TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V H** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ – ST.
Ngày: 09 tháng 7 năm 2021.
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V H, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mùi Văn Huấn.

2. Bà Trần Thị thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bàn Văn Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện VH, tỉnh Sơn La.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VH *tham gia phiên toà:* Bà Vì Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VH, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2021/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 về việc Xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/ QĐXX-ST ngày 09 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vàng A S (tên gọi khác Lầu A N). Sinh năm 1995.

Địa chỉ: Bản Ch Đ 1, xã VH, huyện VH, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Chị Sồng Thị X. Sinh năm 1993.

Địa chỉ: Bản Ch Đ 1, xã VH, huyện VH, tỉnh Sơn La. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, anh Vàng A S: anh và chị Sồng Thị X tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã VH, huyện VH, tỉnh Sơn La ngày 15/7/2014. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn trong quan điểm sống, cách nuôi dạy con và mối quan hệ gia đình. Chị X theo đạo "Chúa trời" thường xuyên bỏ nhà đi theo đạo, không chăm lo đến gia đình và con cái. Mặc dù đã nhiều lần được hai bên gia đình hòa giải. Cuộc sống chung của vợ chồng không được cải thiện. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã thật sự không thể hàn gắn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ly hôn chị X.

- *Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân, anh chị sinh được một con chung: Cháu Vàng Thị Th, sinh ngày 28/11/2012. Hiện cháu đang được anh S chăm sóc, giáo dục. Nếu được Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh đề nghị được quyền nuôi cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết .

Cuối cùng, nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét cho anh được ly hôn chị Sồng Thị X, được nuôi con chung, không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con.

- Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự quay lại đoàn tụ, anh Vàng A S nhất quyết xin ly hôn. Còn về con chung, dù được Tòa án giải thích về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con cái, việc tạo điều kiện tốt nhất cho con học tập và phát triển. Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất được việc giao con chung cho ai chăm sóc.

Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và nhiều lần triệu tập, đến nhà tống đạt văn bản tố tụng, nhưng chị X cố tình vắng mặt hoặc từ chối nhận văn bản tố tụng. Tòa án đã nhiều lần lập biên bản về việc không chấp hành Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VH phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng trong thụ lý, giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Xét thấy, vợ chồng anh S, chị X tự nguyện tìm hiểu và kết hôn đúng quy định của pháp luật, nhưng quá trình chung sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được triệu tập nhiều lần, nhưng bị đơn, chị Sồng Thị X không hợp tác, không nói rõ lý do. Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận đơn khởi kiện, xử cho anh S được ly hôn chị X, được nuôi con chung và chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]*Về quan hệ hôn nhân:* Anh Vàng A Svà chị Sồng Thị X tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do không hợp tính tình, thường xuyên bất đồng quan điểm. Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Vàng A S.

[2]*Về con chung:* Anh chị có một con chung, cháu Vàng Thị Th, sinh ngày 28/11/2012. Hiện cháu đang được anh S chăm sóc, giáo dục. Chị X lại không quan tâm chăm sóc con. Do vậy, để tạo điều kiện tốt nhất cho con, cần chấp nhận đề nghị của anh Vàng A S, giao cháu Vàng Thị Th cho anh Vàng A S chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Sồng Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu, không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí:* Nguyên đơn, anh Vàng A S khởi kiện phải chịu án phí lý hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 điều 227 BLTTDS, khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56; điều 57; điều 58; khoản 1, 2 điều 81; khoản 1, 3 điều 82; điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 25, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vàng A S được ly hôn chị Sồng Thị X.

2. Về con chung: Giao cháu Vàng Thị Th, sinh ngày 28/11/2012 cho anh Vàng A S chăm sóc giáo dục, đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Sồng Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh S, nhưng có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc các con, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

4. Về án phí: anh Vàng A S chịu án phí xin ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào dự phí xin ly hôn là 300.000 đồng đã nộp, tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0002139 ngày 15/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện VH.

*5. Về quyền kháng cáo:*Nguyên đơn, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án niêm yết công khai bản án.

Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán - chủ tọa**	**Hội thẩm nhân dân**
Mùi Văn Huấn	**Nguyễn Đăng Quang**	**Trần Thị Thu Thủy**

Nơi nhận:
- TAT;
- VKS VH;
- THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đăng Quang

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: "Số:100/2017/DS-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: "Số:108/2017/HNGĐ-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: "Số:110/2017/KDTM-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: "Số:115/2017/LĐ-ST").

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần

trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà, bỏ dòng "Thẩm phán...", đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viêncủa Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Toà án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi "Trong các ngày" (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: "Từ ngày đến ngày" (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ "công khai" bằng từ "kín".

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư

nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau: